

Bản án số: 702/2020/HC-PT

Ngày 20 - 11 - 2020

V/v “*kiếu kiện quyết định hành
chính về việc yêu cầu hủy Giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán:

Ông Trần Văn Mười

Ông Dương Tuấn Vinh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Phương Thu - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Đoàn Văn Văng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 439/2020/TLPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2020 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*.”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 661/2020/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3637/2020/QĐ-PT ngày 28 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1942 (vắng mặt).

Địa chỉ: 821 NDT, Khu phố K2, phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H: Ông Bùi Huy H, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: 252 LDC, phường AP, Quận X2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị H: Luật sư Lê Văn L - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân Quận X9.

Địa chỉ: 2/304 XLHN, phường HP, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân Quận X9: Ông Nguyễn Văn Th – Phó Chủ tịch (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân Quận X9:

Ông Nguyễn Gia H, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Ông Nguyễn Thế K sinh năm 1987 (vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Mã Thị N, sinh năm 1960 (vắng mặt).

3.2. Bà Mã Thị Thanh T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

3.3. Bà Mã Thị Thúy Tr, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3.4. Bà Mã Thị Thúy A, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3.5. Bà Lê Thị B, sinh năm 1952 (vắng mặt).

3.6. Ông Mã Thanh H, sinh năm 1977 (vắng mặt).

3.7. Bà Mã Thị Thanh L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: 840A NDT, Khu phố 3, phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.8. Ông Mã Thanh Tr1, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: 817/13 NDT, phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.9. Ông Lê Tuấn C, sinh năm 1939 (vắng mặt).

Địa chỉ: 817 NDT, phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H do ông Bùi Huy H làm đại diện trình bày:

Phần đất 500m² thuộc một phần thửa 353 tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh) có nguồn gốc do cha bà Nguyễn Thị H là ông Nguyễn Văn Q mua của ông Nguyễn Văn M vào năm 1957, tuy nhiên hiện nay giấy tờ mua bán đã thất lạc. Sau đó, bà Nguyễn Thị H được ông Q cho sử dụng phần đất này từ trước năm 1975 cho đến nay. Quá trình sử dụng gia đình bà Nguyễn Thị H không có kê khai đăng ký sử dụng đất nhưng có sổ Thuế nông nghiệp gia đình số 16 ngày 19/6/1998 thể hiện gia đình bà Nguyễn Thị H có nộp thuế nông nghiệp đối với diện tích này.

Ngày 27/4/1996, Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/số T7/QĐ.UB.NN cho hộ ông Mã Văn P với tổng diện tích là 20.125m² trong đó có bao gồm 500m² thuộc một phần thửa 353 mà bà Nguyễn Thị H đang sử dụng.

Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P với các lý do sau đây:

- Phần đất 500m² có nguồn gốc do cha của bà Nguyễn Thị H để lại nhưng Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp cho ông Mã Văn P là không đúng.

- Bà Nguyễn Thị H có quá trình sử dụng đất ổn định, có sổ nộp thuế đất nông nghiệp.

Đối với yêu cầu công nhận cho bà Nguyễn Thị H được quyền sử dụng phần diện tích nêu trên, ngày 15/3/2017, bà Nguyễn Thị H có đơn xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X9 có văn bản trình bày:

Phần đất có diện tích 2.193m² thuộc thửa 353 tờ bản đồ số 4, Bộ địa chính xã PH, huyện TĐ (theo Tài liệu 02/CT-UB) là loại đất lúa nước do ông Mã Văn P đứng tên chủ sử dụng đất.

Ngày 08/10/1994, ông Mã Văn P có đơn xin đăng ký quyền sử dụng phần đất 20.125m² thuộc thửa 362, 363 tờ bản đồ số 5; thửa 347, 353, 349, 350, 351 tờ bản đồ số 4; thửa 129, 130 tờ bản đồ số 2 Bộ địa chính xã PH, huyện TĐ (theo Tài liệu 02/CT-UB). Theo nội dung đơn kê khai của ông P, phần đất này có nguồn gốc do ông P phá hoang và sử dụng từ năm 1956, Ủy ban nhân dân xã PH đã ký tên và đóng dấu vào đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông P.

Ngày 27/4/1996, Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 20.125m² thuộc các thửa 362, 363 tờ bản đồ số 5; thửa 347, 353, 349, 350, 351 tờ bản đồ số 4; thửa 129, 130 tờ bản đồ số 2 Bộ địa chính xã PH, huyện TĐ (theo Tài liệu 02/CT-UB) cho ông Mã Văn P.

Ngày 23/9/1994, bà Nguyễn Thị H có đơn xin đăng ký quyền sử dụng phần đất 4.660m² thuộc thửa 344, 345, 354, 355, 356, 357 tờ bản đồ số 4, Bộ địa chính xã PH, huyện TĐ (theo Tài liệu 02/CT-UB). Theo nội dung đơn kê khai của bà H, phần đất này có nguồn gốc do cha của bà mua lại của ông Năm Muồn từ năm 1955 và sử dụng đến năm 1985 cho lại bà H sử dụng. Ủy ban nhân dân xã PH có ý kiến là chỉ thuận cấp 05 thửa (trừ thửa 356 vì là đất thổ). Trong đơn của bà H thể hiện bà H không đăng ký quyền sử dụng phần đất 2.193m² thuộc thửa 353 Tờ bản đồ số 4, Bộ địa chính xã PH, huyện TĐ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị Thúy Trinh, bà Mã Thị Thanh Thúy, bà Mã Thị Thúy An trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Mã Văn P (chết năm 2014) là cha của ông Mã Văn H. Các bà là con của ông Mã Văn H (chết năm 2019) và bà Lê Thị Thanh Hương (chết năm 2008). Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời các bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Bèo, ông Mã Thanh Hải, ông Mã Thanh Triều, bà Mã Thị Thanh Loan trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Mã Văn P (chết năm 2014) là cha của ông Mã Văn S. Ông Sang chết năm 1999 có vợ là bà Lê Thị Bèo và các con Mã Thanh Hải, Mã Thanh Triều, Mã Thị Thanh Loan. Nay bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, đồng thời các ông, bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn C trình bày:

Ông có chuyển nhượng một phần đất có diện tích 443m² của ông Mã Văn P, phần đất này do ông đang sử dụng và không liên quan đến phần đất mà bà Nguyễn Thị H đang tranh chấp với ông P, nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Phần đất 500m² thuộc một phần thửa 353 Tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ (nay là phường PH, Quận X9) có nguồn gốc do ông Nguyễn Văn Q cha bà H nhận chuyển nhượng năm 1956, sau đó để lại cho bà H sử dụng đến nay. Căn cứ sổ mục kê ruộng đất ghi nhận ông Mã Văn P đăng ký thửa 353 với diện tích 1.750m² với mục đích sử dụng là trồng lúa nước, có nghĩa là ông P không có kê khai đăng ký phần đất 500m² mà bà H đang tranh chấp. Do đó có cơ sở xác định bà H có quá trình sử dụng 500m² từ trước đến nay. Ngoài ra sổ thuế nông nghiệp gia đình có ghi nhận quá trình bà H sử dụng 500/2.193m² đất và bản đồ vị trí ghi nhận bà H sử dụng 500m² đất thuộc một phần thửa 353. Về việc cấp Giấy chứng nhận cho ông P có nhiều sai sót, chỉ dựa trên kê khai của đương sự, không đối chiếu sổ sách, không có căn cứ pháp lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày:

Việc cấp Giấy chứng nhận cho ông Mã Văn P được thực hiện đúng quy định pháp luật tại thời điểm được cấp Giấy chứng nhận. Thửa 353 là do ông Mã Văn P kê khai đăng ký và được cấp Giấy chứng nhận. Sau đó ông P và bà Lê Thị Bèo chuyển nhượng đất cho người khác sử dụng nên có sự điều chỉnh diện tích chứ không phải là xác định ông P chỉ đăng ký 1.750m², đây là cập nhật chuyển nhượng năm 1999 nên ghi lại diện tích trong Sổ mục kê ruộng đất 1.750m².

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 661/2020/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 31, Khoản 4 Điều 32, Điều 143, điểm a Khoản 2 Điều 116, điểm b Khoản 2 Điều 157, Khoản 1 Điều 158, Điều 173, Điều 191, Điều 193, Điều 195, Khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Luật đất đai năm 1993;

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc công nhận phần đất có diện tích 500m² thuộc thửa 353 Tờ bản đồ số 4 phường PH, Quận X9.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04 tháng 6 năm 2020, bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm

Người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và do người đại diện theo ủy quyền trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của mình và sửa bản án sơ thẩm theo nội dung hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996.

Các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo đương sự nêu đã được nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Người kháng cáo cho rằng Tòa án nhân dân cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ không đúng nên dẫn đến việc phán quyết tại phần quyết định là sai, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có kháng cáo.

Phản tranh luận

Người đại diện theo ủy quyền của người kháng cáo trình bày:

Bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996. Việc Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho hộ ông Mã Văn P bao gồm cả phần đất 500m² thuộc một phần thửa 353 Tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ là sai về mặt giấy tờ, không có căn cứ pháp luật. Mặt khác, đề nghị làm rõ con rạch tồn tại trên phần đất ông P được cấp giấy do ông P xác nhận có con rạch nước chung giữa hai gia đình. Ngoài ra, ông Mã Thanh Triều thừa nhận bà H trực tiếp sử dụng phần đất bìa giáp rạch. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm theo hướng hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995

của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án:

Đối với phần đất 500m² thuộc một phần thửa 353 Tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ, bà H không có các tài liệu chứng minh nguồn gốc. Gia đình bà H không đăng ký kê khai qua các thời kỳ. Căn cứ vào nguồn gốc đất, ông Mã Văn P kê khai tự phá hoang từ năm 1956. Ngoài ra, gia đình ông P có đăng ký kê khai qua các thời kỳ được Ủy ban nhân dân xã PH xác nhận. Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P là thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà H là có căn cứ, bà H kháng cáo nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị bác kháng cáo của bà H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X9, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Tuấn C vắng mặt; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Lê Văn L vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H cho rằng năm 2016 bà biết được việc Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/số T7/QĐ.UB.NN ngày 27/4/1996 cho hộ ông Mã Văn P với tổng diện tích là 20.125m² trong đó có bao gồm 500m² thuộc một phần thửa 353 mà bà H đang sử dụng. Do vậy bà H khởi kiện khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P bởi các lý do: Nguồn gốc phần đất 500m² này là do cha bà là ông Nguyễn Văn Q mua của ông Nguyễn Văn M vào năm 1957, nhưng hiện nay giấy tờ mua bán đã thất lạc. Bà H được ông Q cho sử dụng phần đất này từ năm 1975 cho tới nay. Bà Nguyễn Thị H công nhận từ trước đến nay bà H không đăng ký kê khai với cơ quan có thẩm quyền đối với phần đất 500m² thuộc một phần thửa 353 tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh (nay

thuộc phường PH, Quận X9, Thành phố Hồ Chí Minh). Tuy vậy, bà H cho rằng mình có quyền sở nộp thuế nông nghiệp ghi tên thửa đất 353 này.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân Quận X9 trình bày: Bà Nguyễn Thị H không đăng ký kê khai sử dụng đất đối với thửa đất 353 tờ bản đồ số 4 xã PH, huyện TĐ, Thành phố Hồ Chí Minh. Còn với sở nộp thuế có ghi tên thửa đất 353 thì bà H không có hóa đơn đóng thuế đối với diện tích đất trên. Việc Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp giấy chứng nhận cho ông Mã Văn P là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị bác yêu cầu khởi kiện của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mã Thị Thúy Tr, bà Mã Thị Thanh T, bà Mã Thị Thúy A, bà Lê Thị B, ông Mã Thanh H, ông Mã Thanh Tr1, bà Mã Thị Thanh L trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp do ông Mã Văn P khai hoang từ năm 1956. Ngoài ra, gia đình ông P có đăng ký kê khai qua các thời kỳ. Ông P được cấp giấy chứng nhận là đúng quy định. Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:

Ngày 08/10/1994, ông Mã Văn P có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng ruộng đất gửi Ủy ban nhân dân xã PH, huyện TĐ đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 20.125m², trong đó có phần diện tích 2.193m² thuộc thửa 353 Tờ bản đồ số 4 xã PH. Nguồn gốc đất ông P kê khai tự phá hoang từ năm 1956.

Căn cứ Sổ mục kê ruộng đất và Sổ đăng ký ruộng đất (tài liệu 299/TTg), thửa 353 trước đây thuộc một phần thửa 640, 642 do ông Mã Văn S đăng ký và một phần thửa 636, 639 do ông Mã Văn H đăng ký. Căn cứ Danh sách ghi tên chủ sử dụng đất do Phòng địa chính lập ngày 12/7/1994 (Tài liệu 02/CT-UB), ông Mã Văn P là chủ hộ sử dụng đối với phần đất 2.193m² thuộc thửa 353 Tờ bản đồ số 4 ấp TĐA, xã PH. Căn cứ Văn bản số 828/UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân phường PH trả lời xác minh: “Thửa đất 353 diện tích 2.193m² tờ bản đồ số 4 (Tài liệu 02/CT-UB) do ông Mã Văn P đăng ký; đối chiếu qua tài liệu 299/TTg thuộc một phần thửa đất 642 do ông Mã Văn P đăng ký, thửa đất 640 do ông Mã Văn S đăng ký, thửa đất 639 do ông Mã Văn H đăng ký, thửa đất 636 do ông Mã Văn H đăng ký, Tờ bản đồ số 01”. Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định phần đất thuộc thửa 353 tờ bản đồ số 4 xã PH là do gia đình ông Mã Văn P kê khai đăng ký qua các thời kỳ. Bà Nguyễn Thị H không có kê khai đăng ký đối với phần đất này.

Căn cứ Khoản 1 Điều 2 Luật đất đai 1993 quy định: “Người sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận thì được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Đối chiếu với trường hợp của ông Mã Văn P thì phần đất có diện tích 2.193m² thuộc thửa 353 có nguồn gốc do ông P khai phá từ năm 1956, quá trình sử dụng có kê khai đăng ký qua các thời kỳ. Đồng thời, ông P có đơn xin đăng ký quyền sử

dụng đất được Hội đồng xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng ruộng đất xã PH xác nhận.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P là thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

Xét ý kiến của bà Nguyễn Thị H cho rằng phần đất 500m²/2.193m² mà Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp Giấy chứng nhận cho ông Mã Văn P là đất gia đình bà sử dụng vì bà có sổ thuê nông nghiệp. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định tài liệu này không phải là căn cứ chứng minh việc kê khai đăng ký sử dụng đất và cũng không phải một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất. Ngoài ra, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H cho rằng ông P chỉ kê khai 1.750m² nhưng được cấp Giấy chứng nhận 2.193m² tức trong đó có cả đất bà H. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định năm 1999 ông P chuyển nhượng ông Cầm 443m² nên diện tích còn lại 1.750m², phù hợp với sổ mục kê thể hiện 2.193m² lập thửa 1003 nên còn lại 1.750m² và được cập nhật trong Sổ mục kê.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996 cho ông Mã Văn P.

[4] Nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Việc nhận định và phán xử của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ đúng pháp luật. Bà Nguyễn Thị H kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do bà Nguyễn Thị H là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính,

I/ Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị H. Sửa bản án sơ thẩm số 661/2020/HC-ST ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Bác khởi kiện của bà Nguyễn Thị H yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00007 QSDĐ/Số T7/QĐ.UB.NN ngày 24/02/1995 của Ủy ban nhân dân huyện TĐ do Ủy ban nhân dân huyện TĐ cấp ngày 27/4/1996.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị H về việc công nhận phần đất có diện tích 500m² thuộc thửa 353 Tờ bản đồ số 4 phường PH, Quận X9.

II/ Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Các đương sự (3);
- Lưu: (10), 18b (VTPT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên